

GS.TS Nguyễn Phú Trọng

**CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ
NGỌN CỜ TƯ TƯỞNG LÝ LUẬN
CHỈ ĐẠO SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG
CỦA CHÚNG TA**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HÀ NỘI – 2010

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng Việt Nam trước hết bằng cương lĩnh chính trị, trong đó trình bày những quan điểm cơ bản về mục tiêu, nhiệm vụ, đường lối chiến lược, phương hướng, phương thức hoạt động cho từng giai đoạn lịch sử nhất định. Cương lĩnh của Đảng ta được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Mác-Lênin và thực tiễn của cách mạng Việt Nam, có tham khảo kinh nghiệm của thế giới. Chính vì vậy, Cương lĩnh vừa có tính lý luận khoa học vừa có tính thực tiễn sâu sắc, kết hợp tính giai cấp và tính dân tộc, đáp ứng yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam ở mỗi giai đoạn.

Quán triệt và thực hiện nghiêm túc Cương lĩnh chính trị và các văn kiện quan trọng khác của Đảng, trong suốt 80 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và đã giành được những thắng lợi vĩ đại. Những thắng lợi đó chứng tỏ đường lối, quan điểm cơ bản của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; các Cương lĩnh chính trị của Đảng có giá trị to lớn và có sức sống mãnh liệt; con đường đi lên của cách mạng nước ta phù hợp với quy luật khách quan và đáp ứng đúng yêu cầu của thực tiễn Việt Nam. Từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã bốn lần ban hành cương lĩnh hoặc những văn bản có tính cương lĩnh. “Mỗi Cương lĩnh tuy có yêu cầu cụ thể, phản ánh tình hình và phục vụ nhiệm vụ của cách mạng ở mỗi giai đoạn khác nhau, nhưng nhìn tổng thể, các bản Cương lĩnh đều thể hiện rõ ràng, nhất quán quan điểm cơ bản, tư tưởng xuyên suốt của Đảng ta về mục tiêu nhiệm vụ chiến lược, phương hướng và phương pháp của cách mạng Việt Nam”. Mỗi Cương lĩnh của Đảng đều có ý nghĩa lịch sử trọng đại và giá trị chỉ đạo thực tiễn to lớn, định hướng cho sự phát triển của đất nước và chỉ đường cho mọi hoạt động của Đảng ta, nhân dân ta. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng nói chung, chỉ đạo thực hiện Cương lĩnh, đường lối của Đảng nói riêng, qua mỗi giai đoạn lịch sử, mỗi kỳ Đại hội Đảng, tư duy, nhận thức của Đảng ta lại được phát triển; quan điểm, đường lối của Đảng từng bước được bổ sung, hoàn thiện phù hợp với sự phát triển của thời đại, của thực tiễn cuộc sống.

Để giúp bạn đọc nghiên cứu, tìm hiểu sâu hơn về quá trình hình thành, phát triển tư duy lý luận và nhận thức chính trị của Đảng ta qua việc xây dựng, ban hành và chỉ đạo thực hiện các Cương lĩnh của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách **Cương lĩnh chính trị - ngọn cờ tư tưởng lý luận chỉ đạo sự nghiệp cách mạng của chúng ta** của GS, TS Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội nước Cộng Hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cuốn sách gồm

một số bài viết gần đây của tác giả liên quan trực tiếp đến chủ đề này đã được đăng tải trên các báo và tạp chí lý luận chính trị.

Nội dung của cuốn sách đề cập một cách khái quát, có hệ thống những quan điểm lý luận chính trị cơ bản của Đảng ta thể hiện trong các bản Cương lĩnh chính trị của Đảng từ năm 1930 đến nay; sự phát triển nhận thức của Đảng qua các giai đoạn cách mạng; những vấn đề đặt ra cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, tổng kết để không ngừng bổ sung, phát triển, hoàn thiện quan điểm, đường lối trên con đường xây dựng và phát triển đất nước.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 8 năm 2010

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

CÁC CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1991

Mỗi một chính đảng hoặc tổ chức chính trị, để có chính danh, định hướng hành động cho các thành viên của mình và tập hợp tổ chức quần chúng, thường cần phải có cương lĩnh hoặc những văn bản có tính cương lĩnh (như tuyên ngôn, tuyên bố, lời kêu gọi...), trong đó trình bày những quan điểm cơ bản về mục đích, đường lối, nhiệm vụ, cách thức hoạt động cho một giai đoạn lịch sử nhất định.

Từ ngày thành lập đến nay, dưới những hình thức và tên gọi khác nhau, Đảng Cộng sản Việt Nam đã bốn lần ban hành cương lĩnh hoặc những văn bản có tính cương lĩnh.

1. Trước tiên phải kể đến *Chánh cương vắn tắt của Đảng* do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và được Hội nghị thành lập Đảng (tháng 2-1930) thảo luận, thông qua. Tuy rất "vắn tắt", ngắn gọn, chỉ có 282 chữ, nhưng *Chánh cương* đã xác định rõ ràng nhiều vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam.

Sau khi phân tích tình hình xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX dưới ách thống trị của thực dân Pháp và triều đình phong kiến nhà Nguyễn, *Chánh cương* vạch ra đường lối của cách mạng Việt Nam là "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Nghĩa là làm cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. *Chánh cương* chỉ rõ, về chính trị: Đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp và chế độ phong kiến, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng ra chính phủ công nông binh, tổ chức ra quân đội công nông. Về kinh tế: Thủ tiêu hết các thứ quốc trái; tịch thu hết các sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng...) của tư bản Pháp để giao cho chính phủ công nông binh quản lý; tịch thu ruộng đất của tư bản Pháp và đại địa chủ để làm của công chia cho dân cày nghèo, bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang phát triển công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm 8 giờ. Về

xã hội: Dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, thực hiện phổ thông giáo dục theo công nông hóa.

Cùng với *Chánh cương vắn tắt*, đồng chí Nguyễn Ái Quốc còn soạn thảo và được Hội nghị thành lập Đảng thông qua *Sách lược vắn tắt*, *Chương trình vắn tắt*, *Điều lệ vắn tắt* và *Lời kêu gọi* nhân dịp thành lập Đảng. Trong đó chỉ rõ: Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng của giai cấp vô sản; Đảng được tổ chức ra để dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo quần chúng lao khổ đấu tranh giải phóng cho toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột, tiêu trừ tư bản đế quốc, làm cho thực hiện xã hội cộng sản. Ai tin theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình của Đảng, hăng hái tranh đấu và dám hy sinh phục tùng mệnh lệnh Đảng và đóng kinh phí, chịu phấn đấu trong một tổ chức đảng thì được vào Đảng. Đảng viên có trách nhiệm tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản và cổ động quần chúng theo Đảng; tham gia mọi sự tranh đấu về chính trị và kinh tế của công nông; thực hành cho được chính sách và Nghị quyết của Đảng... Tất cả những tài liệu này đã trở thành những văn kiện quan trọng có tính kinh điển của Đảng ta, xác lập đường lối chiến lược, sách lược cơ bản của cách mạng Việt Nam và tôn chỉ, mục đích, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương* (còn được gọi là *Luận cương cách mạng tư sản dân quyền*) do đồng chí Trần Phú khởi thảo và được Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương (tháng 10-1930) thảo luận, thông qua. *Luận cương* được soạn thảo trong hoàn cảnh hết sức khó khăn do bị địch khủng bố, truy lùng gắt gao và thiếu mọi phương tiện. *Luận cương* dài 16 trang (khổ giấy 15x22 cm).

Luận cương đã phân tích tình hình thế giới và cách mạng Đông Dương từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) đến năm 1930. *Luận cương* nhận định: Ở Đông Dương, do tính chất chính trị và kinh tế chi phối, sự mâu thuẫn giai cấp ngày

càng kịch liệt, một bên là thợ thuyền, dân cày và các tầng lớp lao khổ với một bên là địa chủ, phong kiến, đế quốc, tư bản chủ nghĩa. Để giải quyết các mâu thuẫn đó, Đông Dương chỉ có con đường làm cách mạng giải phóng dân tộc; cách mạng Đông Dương là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền có tính chất phản đế và điền địa. Cách mạng tư sản dân quyền là thời kỳ dự bị để tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Mục tiêu của cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương là đánh đổ đế quốc và phong kiến, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Cơ sở bảo đảm cho cách mạng thắng lợi là dựng lên chính phủ công nông. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân là hai động lực chính của cách mạng, trong đó giai cấp công nhân vừa là một động lực chính vừa là giai cấp lãnh đạo.

Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền ở nước ta là đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, phong kiến và địa chủ, lập ra chính phủ công nông, tịch thu ruộng đất của địa chủ nước ngoài, bản xứ và giáo hội trao cho nông dân; quyền sở hữu ruộng đất là chính phủ công nông; sung công tất cả các sản nghiệp lớn của tư bản nước ngoài; bãi bỏ các sưu thuế hiện thời, lập ra thuế lũy tiến, ngày làm công 8 giờ, cải thiện sinh hoạt cho thợ thuyền và những người lao động; xừ Đông Dương hoàn toàn độc lập, thừa nhận dân tộc tự quyết; lập quân đội công nông; thực hiện nam nữ bình quyền; ủng hộ Liên Xô, liên kết với giai cấp công nhân thế giới và phong trào cách mạng thuộc địa, bán thuộc địa.

Phương pháp đấu tranh của quần chúng là bãi công, bãi công thị oai, bãi công võ trang, tổng bãi công bạo động; kết hợp đòi quyền lợi hàng ngày như tăng tiền lương, bớt giờ làm, giảm thuế, chống thuế,... với mục đích lớn của Đảng là đánh đổ đế quốc, địa chủ phong kiến, giành độc lập, lập chính phủ công nông. Vấn đề võ trang bạo động phải được tính toán, cân nhắc kỹ, không được manh động hoặc vô

trang bạo động non. Trong cuộc đấu tranh sinh tử này, cần có mối liên hệ chặt chẽ với cách mạng thế giới.

Về vai trò lãnh đạo của Đảng, *Luận cương* chỉ rõ: Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một đảng cộng sản có đường lối chính trị đúng, có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng và từng trải tranh đấu mà trưởng thành. Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp lấy chủ nghĩa Mác và Lênin làm gốc, đại biểu cho quyền lợi chính và lâu dài cho cả giai cấp vô sản, lãnh đạo tranh đấu để đạt mục đích cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

Như vậy, toàn bộ nội dung *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương* là trình bày những tư tưởng cơ bản về mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp đấu tranh cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương, tiếp tục khẳng định và bổ sung một số vấn đề cốt lõi về con đường cách mạng của Việt Nam mà *Chính cương vắn tắt* đã nêu.

3. *Chính cương Đảng Lao động Việt Nam* do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Trường Chinh chỉ đạo soạn thảo và được Đại hội II của Đảng (tháng 2-1951) thảo luận, thông qua. *Chính cương* dài 15 trang (khổ giấy 15x22 cm) bao gồm 3 chương: Chương I phân tích tình hình thế giới và Việt Nam; Chương II nói về xã hội Việt Nam và cách mạng Việt Nam; Chương III trình bày chính sách của Đảng Lao động Việt Nam.

Chính cương nhận định, từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, thế giới chia làm hai phe: phe dân chủ chống đế quốc do Liên Xô lãnh đạo và phe phản dân chủ do Mỹ cầm đầu. Nhiệm vụ trọng tâm của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới lúc này là đấu tranh bảo vệ hòa bình; phong trào hòa bình phát triển mạnh chưa từng có trong lịch sử. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ngày càng có tính chất phổ biến, trở thành mục tiêu của các nước thuộc địa và phụ thuộc, làm lay chuyển tận gốc hệ thống đế quốc chủ nghĩa. Việt Nam là một tiền đồn của phe dân chủ ở Đông

- Nam Á; cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào giải phóng dân tộc, bảo vệ hòa bình và dân chủ trên thế giới.

Về tình hình xã hội Việt Nam, *Chính cương* chỉ rõ: trước khi thuộc Pháp, xã hội Việt Nam căn bản là một xã hội phong kiến, nông dân là giai cấp bị bóc lột nặng nề nhất. Từ khi thuộc Pháp, Việt Nam là một xã hội thuộc địa nửa phong kiến; giai cấp công nhân Việt Nam hình thành và trưởng thành nhanh; tư bản Việt Nam ra đời nhưng bị tư bản độc quyền Pháp đè nén nên không phát triển được. Khi Nhật xâm chiếm Việt Nam, chế độ thuộc địa của Pháp ở Việt Nam cũng trở nên phát-xít hóa, làm cho nhân dân Việt Nam càng thống khổ hơn.

Vì vậy, nhiệm vụ căn bản của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi đế quốc xâm lược, giành độc lập thống nhất thật sự cho đất nước, xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội. Động lực của cách mạng Việt Nam lúc này là công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức, tư sản dân tộc, những thân sĩ yêu nước và tiến bộ; trong đó nền tảng là công nhân, nông dân, trí thức; lực lượng lãnh đạo là giai cấp công nhân. Từ đó *Chính cương* khẳng định: cách mạng Việt Nam hiện nay là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội. Đây là một cuộc đấu tranh lâu dài, trải qua nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn có một nhiệm vụ trọng tâm, trước mắt là phải tập trung sức hoàn thành giải phóng dân tộc.

Về chính sách của Đảng, *Chính cương* chỉ rõ: hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, xóa bỏ phong kiến, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chính sách kháng chiến là thực hiện một cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, trường kỳ, kháng chiến đến cùng để giành độc lập thống nhất cho Tổ quốc. Xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân dựa vào Mặt trận dân tộc thống

nhất trên cơ sở liên minh công nhân, nông dân, trí thức do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Đảng Lao động Việt Nam đoàn kết với các đảng phái, các đoàn thể, các nhân sĩ trong Mặt trận dân tộc thống nhất theo nguyên tắc đoàn kết thành thực, thống nhất hành động, hợp tác lâu dài.

Chính cương còn nêu những quan điểm cơ bản về xây dựng quân đội, phát triển kinh tế tài chính, cải cách ruộng đất, phát triển văn hóa giáo dục, chính sách đối với tôn giáo, chính sách dân tộc, chính sách đối với vùng tạm chiếm, chính sách ngoại giao, chính sách đối với Việt kiều,... Về ngoại giao, *Chính cương* khẳng định nguyên tắc "tôn trọng độc lập, chủ quyền lãnh thổ, thống nhất quốc gia của nhau và cùng nhau bảo vệ hòa bình, dân chủ thế giới, chống bọn gây chiến"; đoàn kết chặt chẽ với Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác, đoàn kết chặt chẽ với hai dân tộc Miên, Lào, mở rộng ngoại giao nhân dân, giao thiệp thân thiện với chính phủ nước nào tôn trọng chủ quyền của Việt Nam, đặt quan hệ ngoại giao với các nước đó theo nguyên tắc tự do, bình đẳng và có lợi cho cả hai bên, đấu tranh cho hòa bình thế giới.

4- *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991) dài 22 trang (khổ giấy 13x19cm), được Đại hội VII của Đảng (tháng 6-1991) thảo luận và thông qua. Ra đời trong bối cảnh mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, nhiều Đảng Cộng sản bế tắc, mất phương hướng, các thế lực thù địch tấn công quyết liệt; ở trong nước, kinh tế xã hội khủng hoảng, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân dao động niềm tin, Cương lĩnh đã tổng kết quá trình cách mạng Việt Nam, rút ra những bài học kinh nghiệm, chỉ ra những phương hướng và giải pháp đổi mới toàn diện đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Phân tích bối cảnh tình hình thế giới, *Cương lĩnh* nhận định: Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc gay go, phức tạp của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song, loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử.

Về mục tiêu và đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, *Cương lĩnh* chỉ rõ, đó là một xã hội: Do nhân dân lao động làm chủ; có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Cương lĩnh cũng xác định, quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường. Mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Để thực hiện được mục tiêu, nhiệm vụ nêu trên, *Cương lĩnh* nhấn mạnh, chúng ta phải tiếp tục nâng cao ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng vật chất và trí tuệ của dân tộc đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tìm tòi bước đi, hình thức và biện pháp thích hợp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Điều quan trọng nhất là phải cải biến căn bản tình trạng kinh tế - xã hội kém phát triển, chiến

thắng những lực lượng cản trở việc thực hiện mục tiêu đó, trước hết là các thế lực thù địch chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, phải nắm vững những phương hướng cơ bản:

Một là, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Hai là, phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

Ba là, phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu.

Bốn là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa làm cho thế giới quan Mác - Lê-nin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm

giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng, văn hóa phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Năm là, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh. Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước; trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, với tất cả các lực lượng đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Sáu là, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng.

Bảy là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo. Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, bảo đảm đầy đủ dân chủ và kỷ luật trong sinh hoạt Đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao. Bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

*

* * *

Điểm lại những nội dung chủ yếu trong các bản Cương lĩnh chính trị của Đảng từ năm 1930 đến nay, chúng ta nhận thấy: Mỗi bản Cương lĩnh tuy có yêu cầu cụ thể, phản ánh tình hình và phục vụ nhiệm vụ của cách mạng ở mỗi giai đoạn khác nhau, nhưng nhìn tổng thể, các bản Cương lĩnh đều thể hiện rõ ràng, nhất quán quan điểm cơ bản, tư tưởng xuyên suốt của Đảng ta về mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược, phương hướng và phương pháp của cách mạng Việt Nam.

Đó là phải đấu tranh giành lại và bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc; xây dựng đất nước ngày càng dân chủ, giàu mạnh; xã hội ngày càng công bằng, văn minh; nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc; sánh vai với các nước trong cộng đồng quốc tế. Phải nắm vững và kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, coi đây là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta; xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc luôn luôn là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ hữu cơ với nhau.

Phải huy động được mọi nguồn lực và sức mạnh tổng hợp của tất cả các tầng lớp nhân dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức, bởi chính nhân dân là người làm nên lịch sử. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó máu thịt với nhân dân; toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Không ngừng củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc; đó là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh, một động lực chủ yếu của cách mạng nước ta. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, phát huy cao độ nội lực đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống của dân tộc với tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới.

Phải bảo đảm và giữ vững sự lãnh đạo của Đảng; chăm lo xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức trên nền tảng tư tưởng là chủ

nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trên cơ sở nguyên tắc tổ chức là tập trung dân chủ và gắn bó chặt chẽ với nhân dân, coi đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn của Đảng, nhân tố hàng đầu quyết định sự thành công của cách mạng. Phải phòng và chống nguy cơ sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hóa biến chất của cán bộ, đảng viên.

Mỗi bản Cương lĩnh chính trị của Đảng, ở những mức độ khác nhau, đều được xây dựng trên cơ sở quán triệt, vận dụng sáng tạo và bổ sung, phát triển các quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống tinh hoa văn hóa dân tộc, phản ánh đúng thực tiễn Việt Nam và có tham khảo kinh nghiệm của thế giới. Chính vì vậy, nó vừa có tính lý luận khoa học vừa có tính thực tiễn sâu sắc, kết hợp tính giai cấp và tính dân tộc, đáp ứng đúng yêu cầu bức thiết của cách mạng ở mỗi giai đoạn và nguyện vọng cháy bỏng của nhân dân.

Mỗi cương lĩnh của Đảng đều có ý nghĩa lịch sử trọng đại và giá trị chỉ đạo thực tiễn to lớn, định hướng cho sự phát triển của đất nước và chỉ đường cho mọi hoạt động của Đảng ta, nhân dân ta. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng nói chung, chỉ đạo thực hiện cương lĩnh, đường lối của Đảng nói riêng, qua mỗi giai đoạn, mỗi kỳ Đại hội Đảng, tư duy, nhận thức của Đảng ta lại được phát triển; quan điểm, đường lối của Đảng từng bước được bổ sung, hoàn thiện, phù hợp với sự phát triển của thời đại, của thực tiễn cuộc sống. Cho đến nay, Đảng ta đã hình thành được trên những nét cơ bản một hệ thống quan điểm lý luận về cách mạng Việt Nam, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, góp phần bổ sung và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề này.

Chính nhờ quán triệt và thực hiện nghiêm túc Cương lĩnh chính trị và các văn kiện quan trọng khác của Đảng mà ngay khi mới ra đời Đảng ta đã "giương cao ngọn cờ cách mạng, đoàn kết và lãnh đạo toàn dân ta tiến lên đấu tranh giải phóng dân tộc,

giải phóng giai cấp. Mầu cờ đỏ của Đảng chói lọi như mặt trời mới mọc, xé tan cái màn đen tối soi đường dẫn lối cho nhân dân ta vững bước tiến lên con đường thắng lợi trong cuộc cách mạng phản đế, phản phong" ¹. Và trong suốt 80 năm qua, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh dù lâu dài, gian khổ, phải vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách nhưng đã giành được nhiều thắng lợi vĩ đại. Đó là:

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - một nhà nước kiểu mới, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông-Nam Á - làm thay đổi toàn bộ chế độ xã hội Việt Nam, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do.

- Thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng các thế lực thực dân xâm lược, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, thống nhất Tổ quốc, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở cửa, hội nhập, đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Với những thắng lợi giành được trong 80 năm qua, nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; đất nước ta đã thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới; dân tộc ta chưa bao giờ có được cơ đồ như ngày nay.

Những thắng lợi đó chứng tỏ đường lối quan điểm cơ bản của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; các Cương lĩnh chính trị của Đảng có giá trị to lớn và có sức sống mãnh liệt; con đường đi lên của cách mạng nước ta là phù hợp với quy luật khách quan và đáp ứng đúng yêu cầu của thực tiễn Việt Nam.

Tuy nhiên, mỗi bản Cương lĩnh (cũng như nhiều tác phẩm lý luận khác) đều là sản phẩm nhận thức của một thời kỳ lịch sử cụ thể; so với ngày nay có thể có những điểm đã bị thực tiễn vượt qua. Đó là điều dễ hiểu, là biện chứng của sự phát triển. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng có lúc cũng phạm sai lầm, khuyết điểm, có những sai lầm khuyết điểm nghiêm trọng do mắc phải giáo điều, chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan; nhận thức của Đảng trên một số lĩnh vực còn hạn chế; không ít vấn đề lý luận và thực tiễn còn chưa đủ sáng tỏ, nhất là đối với những vấn đề mới và khó. Điều quan trọng là Đảng ta đã nhận ra, thẳng thắn tự phê bình và nghiêm túc sửa chữa, khắc phục có kết quả, thường xuyên tổng kết thực tiễn, kế thừa những thành tựu và kinh nghiệm đã có, phát triển những di sản tư tưởng lý luận đã tích lũy được; đồng thời tiếp thu, bổ sung những giá trị và nhận thức mới, để không ngừng hoàn thiện quan điểm, đường lối chính trị của Đảng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, 2002, t.10, tr.3

"TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN" VÀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là một tác phẩm lý luận bất hủ, một văn kiện mang tính cương lĩnh chính trị giàu sức sống thực tiễn của chủ nghĩa cộng sản khoa học, do C.Mác và Ph.Ăngghen soạn thảo đã được xuất bản lần đầu tiên vào ngày 24-2-1848 tại Luân Đôn (thủ đô nước Anh). Từ đó tới nay dù thế giới đã trải qua biết bao biến đổi thăng trầm, nhưng *Tuyên ngôn* vẫn luôn luôn là cơ sở lý luận khoa học, ngọn cờ tư tưởng, ngôi sao dẫn đường và kim chỉ nam cho hành động của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Và chắc chắn nó sẽ còn mãi với thời gian trong lịch sử phát triển tư tưởng của nhân loại.

Sở dĩ *Tuyên ngôn* có sức sống lâu bền và giá trị to lớn như thế trước hết là bởi nội dung của nó mang tính cách mạng và khoa học rất sâu sắc. C.Mác và Ph.Ăngghen đã sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để luận giải một cách khoa học về quy luật khách quan của sự phát triển xã hội; về vị trí và ý nghĩa quan trọng của sản xuất vật chất cũng như vai trò của kiến trúc thượng tầng; về quá trình phát sinh, phát triển và sự tất yếu diệt vong của chủ nghĩa tư bản; về vai trò, sứ mệnh lịch sử và phương hướng đấu tranh của giai cấp công nhân hướng tới xây dựng một xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh... Đúng như V.I. Lênin đã nhận định, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là tác phẩm “trình bày một cách hết sức sáng sủa và rõ ràng thế giới quan mới, chủ nghĩa duy vật triệt để - chủ nghĩa duy vật này bao quát cả lĩnh vực sinh hoạt xã hội, - phép biện chứng với tư cách là học thuyết toàn diện nhất và sâu sắc nhất về sự phát triển, lý luận đấu tranh giai cấp và vai trò cách mạng - trong lịch sử toàn thế giới - của giai cấp vô sản, tức là giai cấp sáng tạo ra một xã hội mới, xã hội cộng sản”¹.

Từ khi *Tuyên ngôn* ra đời đến nay, thế giới đã chứng kiến biết bao sự biến đổi sâu sắc. Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, chế độ xã hội chủ nghĩa ra đời và

cho đến nay đã tồn tại gần một thế kỷ không phải là điều ngẫu nhiên mà là tất yếu lịch sử. Xét cho cùng, đó là kết quả của sự vận động, phát triển những mâu thuẫn chín muồi ngay từ trong lòng của chủ nghĩa tư bản. Hiện nay, hơn một tỷ người vẫn đang xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội khoa học, cũng không phải do chủ nghĩa xã hội “không hợp thời”, mà do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó có việc nhận thức sai và làm sai quy luật đi lên chủ nghĩa xã hội, duy trì quá lâu một mô hình không còn thích hợp. Chủ nghĩa xã hội không thể sụp đổ nếu các Đảng Cộng sản có đường lối cải tổ, cải cách đúng đắn. Thoái trào của chủ nghĩa xã hội hiện nay chỉ là tạm thời, bởi chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại, có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới. Chủ nghĩa tư bản tuy còn tiềm năng phát triển, song nó không thể khắc phục nổi những mâu thuẫn nội tại đang ngày càng sâu sắc, đặc biệt là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất hiện đại, xã hội hóa cao độ với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Tuy đang nắm trong tay quyền lực to lớn các phương tiện hiện đại, nhưng chủ nghĩa tư bản vẫn không thể giải quyết được những vấn đề bất công, áp bức xã hội, áp bức dân tộc, phân cực giàu nghèo, hủy hoại môi trường ... Chủ nghĩa tư bản toàn cầu hóa ngày càng tạo ra những nhân tố tự phủ định nó, đồng thời hình thành những tiền đề cho chủ nghĩa xã hội nảy sinh. Đúng như C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định trong *Tuyên ngôn*: "Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau"².

Thực tế lịch sử nói lên rằng, kể từ Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, nhân loại đã bước vào thời đại phát triển mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Đó là thời đại lịch sử lâu dài, quanh co phức tạp, có lúc chủ nghĩa xã hội ở thế tiến công, có lúc chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào; có lúc chủ nghĩa tư bản khủng hoảng toàn diện, nghiêm trọng, tưởng

như sụp đổ đến nơi có lúc chủ nghĩa tư bản lấy lại được sức lực tạo được sự phát triển kỳ diệu. Đó là sự vận động biện chứng tự nhiên của thời đại quá độ mà *Tuyên ngôn* đã dự báo. Chúng ta hoàn toàn có cơ sở để nói rằng, sau hàng trăm năm ra đời, *Tuyên ngôn* chẳng những vẫn còn nguyên giá trị nhân đạo cộng sản cao cả mà còn chứa đựng những chân lý, những quy luật chung nhất cho tiến trình phát triển lịch sử xã hội. tinh thần của nó, đến bây giờ, vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế giới văn minh"³

*

* * *

Đối với Việt Nam, được soi sáng bởi tư tưởng của *Tuyên ngôn* nói riêng và chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, hơn 80 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam vượt qua biết bao khó khăn thử thách, huy động được mọi nguồn lực của đất nước, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại, giành thắng lợi vẻ vang trong cách mạng dân tộc dân chủ và đang từng bước tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Mục đích cao cả của Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn toàn phù hợp với tư tưởng cơ bản và chủ đạo của *Tuyên ngôn*: đó là giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách áp bức bóc lột, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Hơn 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Nội dung của đường lối đổi mới chính là thể hiện sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam trong điều kiện lịch sử mới. Đại hội VI (12-1986) của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, từ đổi mới tư duy đến đổi mới tổ chức cán bộ; từ đổi mới phương pháp lãnh đạo đến phong cách công tác; từ đổi mới kinh tế đến đổi mới chính trị, tư tưởng, văn hóa .. Đổi mới là yêu cầu bức thiết, là vấn đề có ý

nghĩa sống còn. Song, đó hoàn toàn không phải là sự thay đổi mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả hơn bằng những quan niệm đúng đắn và những hình thức bước đi và biện pháp thích hợp.

Đổi mới tư duy là nhằm loại bỏ những quan niệm sai lầm, khắc phục những nhận thức lạc hậu, lỗi thời về chủ nghĩa Mác - Lênin, về chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện mới. Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, có nghĩa là tăng cường sức mạnh và hiệu lực của toàn bộ hệ thống chính trị để bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị. Toàn bộ thành tựu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam và những diễn biến trên thế giới vừa qua chứng minh rằng, trước tình hình có nhiều thay đổi, thời cơ và thách thức luôn luôn xuất hiện, nếu không kiên định lập trường, xa rời những vấn đề có tính nguyên tắc sẽ dẫn đến đổ vỡ không gì cứu vãn được; mặt khác, nếu tự bằng lòng với những nguyên lý lý luận sẵn có, sơ cứng, giáo điều, không đi sâu tìm tòi, tổng kết thực tiễn để kịp thời điều chỉnh thì sẽ không tận dụng được thời cơ, vượt qua khó khăn thách thức để đưa đất nước tiến lên. Sức sống của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* không chỉ ở những luận điểm, nguyên lý chung mà còn được thể hiện ở việc bổ sung, vận dụng sáng tạo vào các hoàn cảnh lịch sử cụ thể để giành thắng lợi.

Thành công của công cuộc đổi mới ở nước ta trước hết được thể hiện ở lĩnh vực kinh tế. Trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn quán triệt tư tưởng cơ bản của *Tuyên ngôn* là: "Trong mọi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra - cả hai cái đó cấu thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy"⁴. Với quan niệm đó, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trước hết là, và trọng tâm là quá trình xây dựng, phát triển kinh tế. Nhìn lại hơn 20

năm qua, đường lối xây dựng kinh tế của Đảng ta đã có bước phát triển về nhận thức lý luận. Từ tư duy kinh tế kế hoạch hóa tập trung chuyển sang tư duy kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ xây dựng chế độ sở hữu đơn nhất chuyển sang chế độ đa sở hữu bình đẳng cùng phát triển, trong đó công hữu là nền tảng, kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Từ Nhà nước độc quyền quản lý, can thiệp trực tiếp vào kinh tế chuyển sang Nhà nước quản lý bằng chính sách, pháp luật, kế hoạch, lực lượng vật chất và một số công cụ khác. Từ phân phối bình quân, cào bằng chuyển sang phân phối theo lao động, kết hợp với các hình thức phân phối khác theo mức độ đóng góp thực tế vào quá trình tạo ra của cải và qua phúc lợi xã hội. Từ quan niệm công bằng theo kiểu bình quân trong phân phối thu nhập chuyển sang quan niệm công bằng về cơ hội phát triển, trên cơ sở Nhà nước và xã hội tạo điều kiện cho mọi người có cơ hội phát triển. Từ tư duy kinh tế khép kín sang tư duy kinh tế mở, đẩy mạnh hợp tác và hội nhập,... Những đổi mới tư duy trong lĩnh vực kinh tế nói trên là xuất phát từ thực tiễn nước ta, một nước nghèo nàn, kinh tế lạc hậu, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất còn thấp kém. Do đó, trước hết phải tập trung phát triển lực lượng sản xuất, nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, tiến lên hiện đại trong một xã hội do nhân dân làm chủ, tạo điều kiện cho mọi người có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế cùng tồn tại và phát triển trong một thể thống nhất, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Nó đòi hỏi phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Đây là hai nội dung của mục tiêu phát triển nhanh và bền vững trong tất cả các giai đoạn phát triển của kinh tế thị trường ở nước ta. Tăng trưởng kinh tế đồng thời với phát triển xã hội, văn hóa, giáo dục, vì mục tiêu phát triển con người, mang đậm bản sắc dân tộc Việt Nam. Nhà nước có vai trò tổ chức, dẫn

dắt và tạo điều kiện cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cùng với đổi mới về kinh tế, hệ thống chính trị của nước ta cũng được từng bước đổi mới một cách vững chắc. Xuất phát từ các giá trị lý luận về nhà nước và pháp luật trong *Tuyên ngôn* và các giá trị phổ quát của nhân loại về xây dựng nhà nước pháp quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật. Đây là một yêu cầu khách quan, bắt nguồn từ định hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đảng ta ý thức sâu sắc rằng, để thực hiện được định hướng xã hội chủ nghĩa thì phải có một Nhà nước pháp quyền mạnh, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tính khách quan đó còn xuất phát từ đặc điểm của thời đại với xu thế toàn cầu hóa. Nhu cầu hội nhập và hợp tác kinh tế quốc tế đòi hỏi phải đẩy mạnh cải cách nhà nước, cải cách pháp luật, bảo đảm cho Nhà nước không ngừng vững mạnh, có hiệu lực và hiệu quả. Mặc dù trong các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin không trực tiếp dùng thuật ngữ "*nhà nước pháp quyền*", nhưng những tư tưởng cơ bản của nó đã được đề cập một cách sâu sắc. Đó là tư tưởng về xây dựng một nhà nước kiểu mới, hoạt động trên cơ sở pháp luật với một nền pháp chế dân chủ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đặt vấn đề xây dựng một xã hội mới, trong đó Nhà nước có trách nhiệm tổ chức đời sống chung của nhân dân, bảo đảm sự phát triển tự do tối đa và "phát triển toàn diện con người". *Tự do* trong *Tuyên ngôn* được C.Mác quan niệm "là biến nhà nước từ cơ quan đứng trên xã hội thành cơ quan hoàn toàn phục tùng xã hội". Đây thực sự là tư tưởng xây dựng nhà nước pháp quyền trong điều kiện mới với bản chất là nền dân chủ mới, dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Nội dung xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam bao gồm xây dựng một Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo đó, Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến, lập pháp, quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước và giám sát tối cao toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước. Phương thức hoạt động của Quốc hội về tổng thể phải dựa trên hai trụ cột chính là các cơ quan của Quốc hội và các đại biểu Quốc hội, những người được nhân dân bầu ra và hoạt động vì nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Chính phủ là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, tức là chấp hành Hiến pháp, các đạo luật và nghị quyết do Quốc hội ban hành và báo cáo công tác trước Quốc hội, chịu sự chất vấn và giám sát của Quốc hội. Chính phủ phải trong sạch, được sự tin tưởng và tín nhiệm của nhân dân. Đồng thời, Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, đứng đầu hệ thống cơ quan hành pháp, có trách nhiệm tổ chức thực thi Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; quản lý nhà nước về kinh tế- xã hội, quản lý vĩ mô đối với toàn bộ nền kinh tế, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế hoạt động. Chính phủ có cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, đa năng, hiệu lực và hiệu quả, không can thiệp cụ thể vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong quan hệ với quyền tư pháp, Chính phủ không can thiệp vào hoạt động xét xử của Tòa án, kể cả việc xét xử các vụ án hành chính.

Các cơ quan tư pháp có trách nhiệm bảo vệ pháp luật bằng việc áp dụng đúng đắn luật và các văn bản dưới luật. Có thể xem cơ quan tư pháp như là bộ phận chuyển tải quyền lực nhà nước thể hiện trong pháp luật vào đời sống thông qua việc áp dụng pháp luật để giải quyết các vụ việc cụ thể. Nếu "lực" được thể hiện đầy đủ, đúng đắn qua hoạt động lập pháp và lập quy, nhưng hệ thống truyền "lực" qua hoạt động tư pháp không tốt thì bộ máy nhà nước ấy vẫn là bộ máy nhà nước kém hiệu

lực, hiệu quả. Trong các cơ quan tư pháp, Tòa án giữ vị trí trung tâm; tất cả các cơ quan tư pháp khác như điều tra, truy tố, hỗ trợ tư pháp (luật sư, công chứng, giám định pháp y...) đều phục vụ cho hoạt động xét xử của Tòa án. Tòa án là nơi biểu hiện tập trung tính chất dân chủ và công khai trong hoạt động bảo vệ pháp luật. Ở đó, con người tìm thấy lẽ công bằng, tính nhân đạo, thiện và ác một cách trực tiếp và cụ thể qua các sự kiện pháp lý cụ thể. Do đó, xây dựng Tòa án mạnh là một bộ phận trọng yếu của xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Tòa án phải đổi mới tổ chức và hoạt động sao cho bảo đảm trên thực tế nguyên tắc khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật". Đồng thời, phải từng bước mở rộng thẩm quyền của Tòa án để hướng đến giải quyết được hầu hết mọi tranh chấp xuất hiện trong đời sống xã hội.

Với vai trò là hạt nhân lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị, lại là một thành viên của hệ thống chính trị, hơn 20 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã không ngừng tự đổi mới, tự chỉnh đốn để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình. Công tác xây dựng Đảng được xem là nhiệm vụ then chốt. Công tác này tập trung vào việc nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, coi trọng xây dựng và củng cố tổ chức, kiện toàn đội ngũ cán bộ, đổi mới phương thức lãnh đạo, phong cách công tác. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng những người cộng sản khác quần chúng nhân dân ở hai điểm cơ bản: gương mẫu trong thực tiễn và phải có trình độ lý luận. Các ông viết: "Về thực tiễn, những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất..., là bộ phận luôn luôn thúc đẩy phong trào tiến lên; về mặt lý luận, họ hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ là họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả chung của phong trào vô sản"⁵. Vì thế, nâng cao trình độ lý luận và sự gương mẫu trong hoạt động thực tiễn luôn luôn là đòi hỏi đối với

đảng viên và là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đảng, nhất là trong điều kiện ngày nay.

Kỷ niệm ngày ra đời *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, nhìn lại chặng đường hơn 20 năm đổi mới ở nước ta, chúng ta càng nhận thức sâu sắc hơn và tin tưởng vững chắc vào các giá trị của *Tuyên ngôn* về những nguyên lý cơ bản của thế giới quan cách mạng, về các phương pháp luận khoa học trong việc xem xét và giải quyết các vấn đề thực tiễn. Đó là cơ sở lý luận và phương pháp luận để Đảng ta tổ chức và lãnh đạo cách mạng nước ta đi tới thắng lợi. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, học thuyết Mác-Lênin nói chung, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* nói riêng, luôn luôn sinh động và không ngừng phát triển. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là tuyên ngôn của thời đại đấu tranh xóa bỏ mọi áp bức, bất công, xây dựng một xã hội ngày càng tốt đẹp.

-
1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Tiến bộ, Mátxcova, 1980, t.26, tr.57
 2. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, t.4, tr. 613
 3. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.10
 4. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.21, tr.11
 5. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.44, tr.614-615

SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG TA TỪ CƯƠNG LĨNH NĂM 1991 ĐẾN NAY

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6-1991) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991). Bản cương lĩnh đã phân tích nội dung, tính chất của thời đại, tổng kết quá trình cách mạng Việt Nam, kế thừa và phát triển những quan điểm cơ bản trước đó của Đảng để nêu ra quan niệm mới về chủ nghĩa xã hội, chỉ ra mục tiêu và những định hướng lớn trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đây là văn kiện quan trọng mang tầm định hướng chiến lược, là nền tảng tư tưởng lý luận và ngọn cờ chiến đấu của Đảng ta, dân tộc ta trong giai đoạn mới. Sau gần 20 năm thực hiện Cương lĩnh, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, làm thay đổi hẳn bộ mặt và vị thế của đất nước. Những thành tựu đó khẳng định giá trị to lớn và sức sống mãnh liệt của *Cương lĩnh năm 1991*, đồng thời cho chúng ta thêm nhiều bài học quý để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

Tuy nhiên, ngay từ thời điểm ban hành *Cương lĩnh năm 1991*, Đảng ta đã chỉ rõ: "Lúc này chúng ta chưa có đủ cơ sở để vẽ ra toàn bộ bức tranh của xã hội tương lai một cách hoàn chỉnh. Nhưng... chúng ta có thể vạch ra những nguyên tắc, phương hướng lớn cho thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta... Sau này khi thực tiễn bộc lộ những vấn đề mới, qua tổng kết, Cương lĩnh sẽ không ngừng được bổ sung và hoàn chỉnh từng bước"¹.

Thực tế, kể từ *Cương lĩnh năm 1991* ra đời đến nay, tình hình thế giới và trong nước đã có nhiều biến đổi to lớn và sâu sắc. Nhiều vấn đề mới nảy sinh đã được Đảng ta nắm bắt và giải quyết có hiệu quả; nhiều nội dung của Cương lĩnh năm 1991 đã được bổ sung, phát triển hoặc nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn. Từ nội dung tính chất thời đại đến quá trình cách mạng, bài học kinh nghiệm của cách mạng

nước ta; từ đặc điểm của thời kỳ quá độ đến đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; từ mục tiêu, nhiệm vụ đến phương hướng, giải pháp để từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội; từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị,... ở những mức độ khác nhau đều có sự bổ sung, phát triển về nhận thức. Trong khuôn khổ của bài viết này, chỉ xin nêu tóm tắt một số luận điểm và nội dung cốt lõi nhất.

1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp

Ngay khi mới ra đời và trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng ta luôn khẳng định, chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng và nhân dân ta; đi lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu khách quan, là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam. *Cương lĩnh năm 1991*, sau khi phân tích bối cảnh của tình hình thế giới và trong nước, đã nhận định: "chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn thử thách. Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song, *loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử*"². Vào những năm cuối thế kỷ 20 đầu thế kỷ 21, mặc dù trên thế giới chủ nghĩa xã hội hiện thực đã bị đổ vỡ một mảng lớn, phe xã hội chủ nghĩa không còn, phong trào xã hội chủ nghĩa đang trong giai đoạn khủng hoảng, thoái trào, gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Đảng ta vẫn tiếp tục khẳng định: "*Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh*"³.

Tuy nhiên, chủ nghĩa xã hội là gì và đi lên chủ nghĩa xã hội bằng cách nào? Đó là điều mà Đảng ta luôn luôn trăn trở, suy nghĩ, tìm tòi, lựa chọn để làm sao vừa theo đúng quy luật chung vừa phù hợp với điều kiện, đặc điểm cụ thể của nước ta. Trong những năm tiến hành công cuộc đổi mới, từ tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, Đảng ta từng bước nhận thức ngày càng đúng đắn hơn, sâu sắc hơn về chủ

nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; từng bước khắc phục được một số quan niệm đơn giản, ấu trĩ trước đây như: đồng nhất mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa xã hội với nhiệm vụ của giai đoạn trước mắt; nhấn mạnh một chiều quan hệ sản xuất, chế độ phân phối bình quân, không thấy đầy đủ yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ; đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản, coi nhẹ những thành tựu, giá trị mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản; muốn nhanh chóng xóa bỏ sản xuất hàng hóa, cơ chế thị trường, xóa bỏ sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân; đồng nhất nhà nước pháp quyền với nhà nước tư sản,...

Cương lĩnh năm 1991 đã đưa ra những quan niệm mới về chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ ở nước ta. Đó là một bước tiến lớn trong tư duy lý luận của Đảng ta, vừa quán triệt tinh thần cơ bản của học thuyết Mác - Lê-nin về chủ nghĩa xã hội vừa thể hiện sự vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam trong thời kỳ mới. Trong quá trình thực hiện *Cương lĩnh năm 1991*, Đảng ta tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, từng bước hoàn chỉnh thêm nhận thức về vấn đề này. Cho đến nay, mặc dù còn một số vấn đề cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, nhưng chúng ta có thể khái quát, xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản; có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Để thực hiện được mục tiêu đó, nước ta phải: Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Càng đi vào chỉ đạo thực tiễn, Đảng ta càng nhận thức được rằng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp, vì nó phải tạo ra sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất rất thấp, lại trải qua mấy chục năm chiến tranh, hậu quả rất nặng nề; các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại công cuộc xây dựng đất nước ta, cho nên lại càng khó khăn, phức tạp, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước đi, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen nhau, có sự đấu tranh giữa cái cũ và cái mới. Nói bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua chế độ áp bức, bất công, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua những thói hư tật xấu, những thiết chế, thể chế chính trị không phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng, chứ không phải bỏ qua cả những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên, việc kế thừa những thành tựu này phải trên quan điểm phát triển, có chọn lọc.

2. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Đưa ra quan niệm phát triển *kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng

qua 20 năm thực hiện *Cương lĩnh năm 1991*, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới.

Như chúng ta đã biết, sau một thời gian tìm tòi, thử nghiệm, tổng kết thực tiễn, từ Đại hội VI, Đảng ta đã dứt khoát từ bỏ mô hình kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp, chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. *Cương lĩnh năm 1991* khẳng định: "Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước". Đại hội VIII (tháng 6-1996) đưa ra quan niệm mới, rất quan trọng về kinh tế hàng hóa và chủ nghĩa xã hội: "Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng". Nhưng vào thời điểm đó, chúng ta mới chỉ nói: "Vận dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý nền kinh tế thị trường là để sử dụng mặt tích cực của nó phục vụ mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội chứ không đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Kinh tế thị trường có những mặt mâu thuẫn với bản chất của chủ nghĩa xã hội... Đi vào kinh tế thị trường, phải kiên quyết đấu tranh khắc phục, hạn chế tối đa những khuynh hướng tiêu cực đó"⁴. Phải đến Đại hội IX (tháng 4-2001) khái niệm "*kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*" mới chính thức được nêu trong văn kiện của Đảng", xem đó là *mô hình kinh tế tổng quát* trong suốt thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là *một kiểu kinh tế thị trường mới* trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường. Nó là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của cơ chế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đây không phải là nền kinh tế thị trường tư

bản chủ nghĩa (vì mục đích của chúng ta là xây dựng chủ nghĩa xã hội), và cũng chưa phải là kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa (vì chúng ta còn đang trong thời kỳ quá độ).

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng; kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế; kinh tế hỗn hợp, đa sở hữu, nhất là các doanh nghiệp cổ phần ngày càng phát triển; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất để định hướng, điều tiết, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở nước ta là phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội *ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển*. Phát triển xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng đòi hỏi phải có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững, có khả năng huy động các nguồn lực vật chất cho việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Ngược lại, cũng không thể có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững nếu trong xã hội không có sự công bằng nhất định, đa số dân chúng sống

nghèo khổ, thấp kém về trí tuệ, ốm yếu về thể chất, và một bộ phận đáng kể lao động lâm vào cảnh thất nghiệp, nghèo đói, bị đẩy ra ngoài lề xã hội.

Nói giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển có nghĩa là: không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không "hy sinh" tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Trái lại, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, dù trực tiếp hay gián tiếp, trước mắt hay lâu dài; khuyến khích làm giàu hợp pháp phải đi đôi với xóa đói giảm nghèo, chăm sóc những người có công, những người không may gặp khó khăn, cơ nhỡ. Điều này vừa thể hiện đúng quy luật của sự phát triển lành mạnh, bền vững trong thời đại ngày nay, vừa nói lên mục đích, bản chất của xã hội ta. Nếu không giải quyết tốt vấn đề này thì không thể nói đến định hướng xã hội chủ nghĩa, tức là không hơn gì kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, càng không thể nói đến tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

3. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội

Phát triển văn hóa đồng bộ và tương xứng với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, thể hiện sự nhận thức mới, bước phát triển tư duy lý luận của Đảng ta. Từ nhiệm kỳ Đại hội VIII đến nay, trong nhiều nghị quyết của Đảng đã xác định phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới; phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế xã hội; đầu tư cho giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là đầu tư cho phát triển. Bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống

còn của nhân loại, là một tiêu chí và nội dung của sự phát triển bền vững, là nhân tố bảo đảm sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng; phải làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, trong mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người. "Văn hóa soi đường cho quốc dân đi" như Bác Hồ đã dạy.

Một luận điểm rất quan trọng thể hiện nhận thức mới của Đảng ta là đã xác định sự gắn kết nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, coi đó là "ba chân kiềng" bảo đảm cho sự phát triển bền vững của đất nước. Để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội phải làm cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội văn minh lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao; phê phán những cái lỗi thời, thấp kém; đấu tranh chống những tư tưởng và hành vi phi văn hóa, phản văn hóa, những khuynh hướng sùng ngoại, lai căng, mất gốc, sùng bái đồng tiền, bất chấp đạo lý; bảo vệ nền văn hóa dân tộc trước sự xâm lăng văn hóa trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế. Cùng với việc tăng đầu tư của Nhà nước, cần thực hiện xã hội hóa các hoạt động văn hóa.

Con người giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Đề cao quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân. Tất cả phải vì con người, chăm lo cho hạnh phúc của con người; phát huy nhân tố con người và phát triển nguồn nhân lực

trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc, làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng và tổ ấm của mỗi người.

4. Giữ vững môi trường hòa bình, độc lập tự chủ, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế

Qua những năm thực hiện *Cương lĩnh năm 1991*, chúng ta ngày càng nhận thức rõ ràng, một trong những nhiệm vụ cơ bản của cách mạng nước ta là phải ra sức củng cố và giữ vững hòa bình để tập trung xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đã đổi mới nhận thức về tình hình thế giới và khu vực; chuyển từ cách nhìn thế giới chỉ dưới góc độ một vũ đài đấu tranh sang cách nhìn toàn diện hơn; coi thế giới như môi trường tồn tại và phát triển của Việt Nam. Sự chuyển biến tư duy quan trọng trong lĩnh vực quốc tế và đối ngoại là quan điểm "*thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế*", lấy việc bảo đảm lợi ích quốc gia là nguyên tắc tối cao của hội nhập. Trên cơ sở đó đã từng bước hoàn thiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; bình đẳng, cùng có lợi; giải quyết các bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hòa bình, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực.

Trước xu thế khách quan toàn cầu hóa kinh tế, chúng ta chủ trương "*chủ động hội nhập kinh tế quốc tế*", "*chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực khác*" theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường. Đảng ta cũng nhận rõ khả năng vừa hợp tác, vừa đấu tranh

trong tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau; đổi mới nhận thức trên vấn đề "địch - ta", "đối tượng - đối tác" theo tinh thần "thêm bạn bớt thù", khẳng định "những ai chủ trương tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác của chúng ta, bất kỳ thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng đấu tranh". Chúng ta đã nhiều lần và từng bước tuyên bố: "Việt Nam muốn là bạn", "sẵn sàng là bạn", "là bạn, là đối tác tin cậy" của các nước trong cộng đồng quốc tế; "là thành viên tích cực và có trách nhiệm của các tổ chức quốc tế", tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, Đảng ta vẫn luôn luôn xác định xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau. Chúng ta đã từng bước nhận thức sâu sắc hơn, cụ thể hơn về mối quan hệ giữa kinh tế và quốc phòng - an ninh - đối ngoại; nhận thức toàn diện hơn về khái niệm an ninh quốc gia: an ninh quốc gia không chỉ là an ninh chính trị mà còn là an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, an ninh tư tưởng, an ninh xã hội,... Khái niệm bảo vệ Tổ quốc cũng được xác định đầy đủ hơn: bảo vệ Tổ quốc không chỉ là bảo vệ lãnh thổ, biên giới, hải đảo, vùng trời, vùng biển mà còn là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân; bảo vệ kinh tế, văn hóa dân tộc, bảo vệ sự nghiệp đổi mới... Đã nhận thức rõ hơn các nguy cơ đối với an ninh quốc gia, các nhân tố có khả năng gây mất ổn định chính trị - xã hội, phá hoại an ninh quốc gia, nhất là những nhân tố "phi truyền thống". Chúng ta đã bước đầu xây dựng hệ quan điểm mới về chiến tranh nhân dân, về hậu phương trong điều kiện chiến tranh công nghệ cao; làm sáng tỏ nội dung mới của chiến lược bảo vệ Tổ quốc, chiến lược quốc phòng toàn dân;

khẳng định sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân với nền tảng là "thế trận lòng dân", kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh; quốc phòng - an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Phối hợp chặt chẽ hoạt động quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại. Xây dựng quân đội nhân dân và công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; nâng cao chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu để lực lượng vũ trang thực sự là lực lượng chính trị trong sạch, vững mạnh, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin cậy, yêu mến. Kiên quyết làm thất bại âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ; coi trọng nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, nâng cao khả năng tự bảo vệ của mỗi người, của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị.

5. Phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân là một nhiệm vụ trọng yếu, lâu dài của cách mạng Việt Nam. Trong những năm đổi mới, chúng ta ngày càng nhận rõ dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, thể hiện mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Khẳng định phải xây dựng *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, trên cơ sở liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhà nước đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối của Đảng. Mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân. Thực

hiện quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hoạt động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân. Có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tham gia quản lý xã hội, khắc phục biểu hiện dân chủ hình thức. Nhà nước chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết.

Đưa ra chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một nhận thức mới của Đảng ta vào những năm 90 so với *Cương lĩnh năm 1991*. Chúng ta nhận thức rằng, nhà nước pháp quyền không phải là cái riêng có của chủ nghĩa tư bản. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cũng phải thực hiện nhà nước pháp quyền. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa khác về bản chất với nhà nước pháp quyền tư sản ở chỗ: Pháp quyền dưới chủ nghĩa tư bản, về thực chất, là công cụ bảo vệ và phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản, còn pháp quyền dưới chủ nghĩa xã hội là công cụ thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân. Nhà nước pháp quyền quản lý xã hội bằng pháp luật và các công cụ khác theo quy định của pháp luật. Thông qua thực thi pháp luật, Nhà nước thể hiện nhân dân là chủ thể của quyền lực chính trị, thực hiện chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, thống nhất. Đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, làm cho nhà nước thực sự là thiết chế phục vụ nhân dân; hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, việc gì có lợi cho dân, phải hết sức làm; việc gì có hại cho dân, phải hết sức tránh. Có cơ chế giám sát quyền lực nhà nước.

"Đoàn kết dân tộc", "đại đoàn kết dân tộc", "đại đoàn kết toàn dân tộc" ngày càng được nhận thức sâu sắc hơn về ý nghĩa, vai trò, là nguồn sức mạnh và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp cách mạng. Đảng ta đã nhiều lần khẳng định, các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi thành viên trong đại gia đình Việt Nam; lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau hướng tới tương lai.

Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào; đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau hoặc không theo tôn giáo, tạo điều kiện làm tròn trách nhiệm công dân, sống "tốt đời đẹp đạo", phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hóa, đạo đức của tôn giáo.

Đồng bào định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để đồng bào nâng cao lòng yêu nước, ý thức cộng đồng, tinh thần tự trọng, tự hào dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa và truyền thống dân tộc, tôn trọng pháp luật nước sở tại, hướng về quê hương đất nước và góp phần tăng cường đoàn kết hữu nghị với nhân dân các nước.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội là các tổ chức đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân, tiêu biểu cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tham gia

giám sát và phản biện xã hội đối với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là nhiệm vụ thường xuyên quan trọng, bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm sự trường tồn và phát triển của dân tộc.

6. Đảng cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc

Một thời gian dài và cả trong *Cương lĩnh năm 1991* Đảng ta đã xác định "*Đảng cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân*, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc". Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, khi chúng ta nêu cao tư tưởng đại đoàn kết, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, khi Đảng ta đã trở thành đảng cầm quyền lãnh đạo cả dân tộc, được toàn dân thừa nhận là đội tiên phong lãnh đạo của mình; và trên thực tế, Đảng ta ra đời, tồn tại và phát triển là vì lợi ích không chỉ của giai cấp công nhân mà còn vì lợi ích của nhân dân lao động, của toàn dân tộc, cho nên cần diễn đạt bản chất của Đảng thế nào cho phù hợp hơn. Đại hội X của Đảng đã quán triệt sâu sắc hơn tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định: "*Đảng cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam*". Cùng với việc xác định Đảng ta là đảng cầm quyền, luận điểm này là một bước phát triển mới rất quan trọng về nhận thức của Đảng trong 20 năm qua. Nó vừa nói lên được bản chất giai cấp công nhân của Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vừa thể hiện được nét đặc thù của Đảng ta theo sự phát triển sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tế Việt Nam, và đáp ứng được nguyện vọng, tình cảm của nhân dân. Diễn đạt như vậy hoàn toàn không phải là hạ thấp bản chất giai cấp của Đảng, trượt sang quan điểm "đảng toàn dân" mà chính là thể hiện sự nhận thức bản chất giai cấp của

Đảng một cách sâu sắc hơn, nhuần nhuyễn hơn. Nó đòi hỏi Đảng ta chẳng những phải trung thành với giai cấp công nhân, nâng cao lập trường, tư tưởng của giai cấp công nhân, mà còn phải học tập, kế thừa, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tăng cường đoàn kết, tập hợp nhân dân phấn đấu vì lợi ích của cả giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc.

Đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng -, Đảng ta luôn luôn kiên định, kiên trì, đồng thời yêu cầu phải vận dụng sáng tạo, có bổ sung, phát triển cho phù hợp với thực tiễn, góp phần làm phong phú và ngày càng hoàn thiện hơn. Chúng ta cũng đã nhận thức đầy đủ và sâu sắc giá trị to lớn và nội dung toàn diện của tư tưởng Hồ Chí Minh. Tại Đại hội IX, Đảng ta đã tổng kết: "*Tư tưởng Hồ Chí Minh* là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại... Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta" ⁵.

Về công tác xây dựng Đảng, đã bổ sung, phát triển và từng bước làm sáng tỏ lý luận về vai trò lãnh đạo của Đảng trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, xây dựng nhà nước pháp quyền, mở cửa hội nhập quốc tế; làm rõ hơn trách nhiệm của đảng cầm quyền trong việc nghiên cứu, tìm tòi mô hình và con đường, bước đi xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với quy luật khách quan. Đã nhận thức sâu sắc hơn tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng trong điều kiện mới, *coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, nhiệm vụ sống còn trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng*. Từ đó đặt ra yêu cầu Đảng phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn; tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Đẩy mạnh

công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, nâng cao trình độ nhận thức, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; không ngừng hoàn thiện đường lối đổi mới của Đảng; tăng cường công tác tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, đấu tranh chống sự suy thoái, biến chất, tham nhũng, hư hỏng. Đổi mới, kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng và hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; đổi mới đồng bộ công tác cán bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; đổi mới phương thức lãnh đạo và lề lối công tác; gắn bó mật thiết với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Đặc biệt đề phòng nguy cơ sai lầm về đường lối và thoái hóa, quan liêu, xa rời quần chúng.

Đảng viên làm kinh tế tư nhân là một vấn đề cụ thể nhưng rất quan trọng, liên quan đến quan điểm, đường lối cơ bản của Đảng, được đặt ra từ nhiều năm, cho nhiều Đại hội. Qua một quá trình nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, đến Đại hội X, Đảng ta đã cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân (bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân) với điều kiện phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương. Chúng ta nhận thức rằng, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đất nước còn nghèo, phải tập trung phát triển sức sản xuất, làm ra nhiều của cải cho xã hội. Đảng đã chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng cộng sản lãnh đạo thì cũng cần khuyến khích đảng viên làm kinh tế bằng nhiều hình thức ở nhiều loại hình sản xuất, kinh doanh, vừa nâng cao đời sống cho bản thân và gia đình vừa góp phần làm giàu cho xã hội.

Tóm lại, trong những năm tiến hành công cuộc đổi mới, thực hiện *Cương lĩnh năm 1991*, nhận thức của Đảng ta ngày càng được bổ sung, phát triển trên nhiều vấn đề cơ bản và quan trọng, góp phần từng bước làm sáng tỏ và hoàn thiện đường lối đổi mới, xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đây

cũng là cơ sở rất quan trọng để Đại hội XI sắp tới xem xét, quyết định việc bổ sung, phát triển *Cương lĩnh năm 1991*.

1. Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa VI (tháng 8-1990); Xem: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.50, tr.178.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.8.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.83.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.72.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.82-83.

NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN CƯƠNG LĨNH NĂM 1991

I – QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ

Từ khi *Cương lĩnh năm 1991* ra đời đến nay, tình hình thế giới và trong nước đã có nhiều biến đổi sâu sắc. Nhiều vấn đề mới nảy sinh từng bước được Đảng ta nhận thức và giải quyết có hiệu quả; nhiều vấn đề liên quan đến Cương lĩnh đã có nhận thức mới, sâu sắc hơn; quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng rõ hơn; đồng thời cũng có thêm những vấn đề mới đặt ra cần được giải đáp. Vì vậy, Đại hội X của Đảng đã quyết định: "Sau Đại hội X, Đảng ta cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển *Cương lĩnh*, làm nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong quá trình đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội"¹.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội X, ngày 4-2-2008, Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định thành lập *Tiểu ban Tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh năm 1991 và chuẩn bị Báo cáo Chính trị trình Đại hội XI* (Tiểu ban Cương lĩnh), do đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh làm Trưởng Tiểu ban. Ngày 22-2-2008, Tiểu ban đã họp phiên đầu tiên để xác định quan điểm, tư tưởng chỉ đạo việc tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh.

Ngày 28-2-2008, Ban Bí thư ra quyết định thành lập Tổ Biên tập. Tiểu ban đã chỉ đạo Tổ Biên tập khẩn trương triển khai các công việc (xây dựng đề cương sơ bộ, thành lập các nhóm biên tập theo lĩnh vực; tổ chức nghiên cứu, thảo luận, biên tập...); đồng thời Ban Bí thư giao một số cơ quan khoa học, một số cấp ủy, tổ chức đảng ở Trung ương và địa phương tổng kết lý luận và thực tiễn một số chuyên đề có liên quan.

Tiếp sau đó, Thường trực Tiểu ban đã có 2 phiên và Tiểu ban đã có 4 phiên họp thảo luận *Dự thảo Đề cương chi tiết* Báo cáo tổng kết, bổ sung và phát triển *Cương lĩnh năm 1991* do Tổ Biên tập trình. Tiểu ban đã gửi bản *Dự thảo Đề cương chi tiết* đến các đồng chí nguyên lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước để xin ý kiến. Bộ Chính trị đã có 2 phiên họp thảo luận *Dự thảo Đề cương chi tiết* và chỉ đạo tu chỉnh bản Dự thảo trình Hội nghị Trung ương 10 (tháng 6-2009). Tại hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận nhất trí với mục đích, yêu cầu, tư tưởng chỉ đạo, tên gọi, kết cấu và nhiều nội dung cơ bản của *Dự thảo Đề cương chi tiết*; đồng thời nhấn mạnh và lưu ý thêm một số nội dung quan trọng. Đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau hoặc cần được tiếp tục làm rõ, Ban Chấp hành Trung ương giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo nghiên cứu, cân nhắc trình Ban Chấp hành Trung ương cho ý kiến tại các kỳ họp sau.

Về tư tưởng chỉ đạo định hướng việc tổng kết, bổ sung, phát triển *Cương lĩnh năm 1991*, Trung ương khẳng định:

- Cương lĩnh là tuyên ngôn chính trị của Đảng, mang tầm định hướng chiến lược về con đường phát triển của đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; là ngọn cờ chiến đấu của Đảng và dân tộc ta trong sự nghiệp xây dựng đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội; là nền tảng lý luận, nền tảng tư tưởng và chính trị, định hướng cho mọi hoạt động của chúng ta hiện nay cũng như trong những thập kỷ tới. Do đó, Cương lĩnh phải nêu được những quan điểm cơ bản về đường lối chung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; phác họa những nét cơ bản về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta cần xây dựng; chỉ ra mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ và mục tiêu phấn đấu cho chặng đường từ nay đến khoảng giữa thế kỷ XXI; đưa ra những quan điểm, đường lối và định hướng lớn để thực hiện mục tiêu đó. Cương lĩnh phải có tầm khái quát cao, không đi vào những nội dung quá chi tiết và những chính sách cụ thể.

- Việc tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh cần bám sát tư tưởng chỉ đạo của Đại hội X, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị. Quán triệt tinh thần và phương pháp khoa học, biện chứng, toàn diện, lịch sử - cụ thể và phát triển. Phát huy tự do tư tưởng, thẳng thắn và mạnh dạn nêu những suy nghĩ mới có căn cứ và lắng nghe các ý kiến khác nhau trong nghiên cứu, thảo luận. Tạo điều kiện để các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia đóng góp ý kiến, bảo đảm vừa giữ vững nguyên tắc, vừa phát huy tốt dân chủ để tạo sự nhất trí, đồng thuận cao trong toàn Đảng, toàn dân.

- Bổ sung, phát triển theo tinh thần tiếp tục đổi mới trên cơ sở những quan điểm, tư tưởng, định hướng cơ bản của *Cương lĩnh năm 1991*; bám sát thực tiễn của đất nước và thời đại; phản ánh được ý chí, nguyện vọng của nhân dân, tạo động lực mạnh để đưa đất nước đi lên. Kế thừa những nội dung trong *Cương lĩnh năm 1991* vẫn còn nguyên giá trị; bổ sung những vấn đề đã được các Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị (từ khóa VII đến nay) kết luận, những nội dung đã rõ, đã chín, được thực tiễn chứng minh là đúng; sửa chữa, bổ sung hoặc viết lại những điểm trong *Cương lĩnh năm 1991* đến nay không còn phù hợp; luận giải và làm rõ thêm một số mối quan hệ cơ bản có ý nghĩa chỉ đạo công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trên cơ sở kết luận của Hội nghị Trung ương 10, Bộ Chính trị đã chỉ đạo Tiểu ban và Tổ Biên tập hoàn chỉnh bản *Đề cương chi tiết*, viết Dự thảo Báo cáo tổng kết, đồng thời khẩn trương chuẩn bị *Dự thảo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, sau đây gọi tắt là *Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)*. Bộ Chính trị và Tiểu ban đã hai lần thảo luận về bản Dự thảo này và đã gửi xin ý kiến các đồng chí nguyên lãnh đạo của Đảng, Nhà nước. Sau đó nhiều lần cho tu chỉnh để trình Hội nghị Trung ương 11 (tháng 10-2009), Hội nghị Trung ương 12 (tháng 3-2010) và đã được Hội

ng nghị Trung ương 12 bước đầu thông qua để gửi Đại hội đảng bộ các cấp thảo luận và lấy ý kiến đóng góp của nhân dân.

Trong quá trình nghiên cứu, tổng kết, chuẩn bị bản *Dự thảo Báo cáo tổng kết* cũng như bản *Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Tiểu ban và Tổ Biên tập đã nghiên cứu, kế thừa các kết quả tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006) và các kết quả nghiên cứu về bổ sung, phát triển *Cương lĩnh năm 1991* đã được Ban Chấp hành Trung ương khóa IX cho ý kiến khi chuẩn bị Đại hội X. Thu thập và sử dụng các kết quả nghiên cứu mới của các cơ quan lý luận, các nhà khoa học (như một số chương trình, đề tài khoa học của Hội đồng Lý luận Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam...). Tập hợp ý kiến của nhiều nhà khoa học và chuyên gia thông qua các cuộc tọa đàm, hội thảo khoa học và mời cộng tác viên viết bài; phát huy trí tuệ, dân chủ thảo luận. Sử dụng kết quả nghiên cứu, tổng kết thực tiễn của 77 cơ quan trung ương và tỉnh ủy, thành ủy. Làm việc trực tiếp với 27 Ban Thường vụ của các tỉnh ủy, thành ủy; nghiên cứu, trao đổi ý kiến với nhiều quận, huyện, phường, xã và doanh nghiệp.

II - NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN

1. Về tên gọi và kết cấu: Thực hiện nhất quán tư tưởng chỉ đạo của Đại hội X là bổ sung, phát triển *Cương lĩnh năm 1991* - tức là *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, không làm thay đổi những quan điểm, tư tưởng, định hướng cơ bản của *Cương lĩnh*. Vì vậy, vẫn giữ tên gọi "*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*" đồng thời bổ sung thêm cụm từ (*bổ sung, phát triển năm 2011*).

Kết cấu cơ bản giữ như *Cương lĩnh năm 1991*, gồm 4 phần và 12 mục, chỉ có một thay đổi nhỏ là chuyển nội dung nói về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trình bày ở phần "*phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần*" sang phần nói về

văn hóa, xã hội, như vậy hợp lý hơn, mang ý nghĩa bao quát hơn (không phải chỉ gắn với phát triển kinh tế).

2. Về quá trình cách mạng Việt Nam và những bài học lớn: Viết lại một cách cô đọng, khái quát hơn, bổ sung những nhận định cơ bản về giai đoạn từ năm 1991 đến nay, chỉnh lý một số nhận định về các giai đoạn từ 1930 đến 1991 cho chuẩn xác, chặt chẽ hơn, phù hợp với tình hình mới. Bổ sung thêm một số ý về bài học trong thời kỳ đổi mới, nhấn mạnh vấn đề giữ vững ý chí độc lập tự chủ và nêu cao tinh thần tích cực, chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế. Cụ thể là *Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)* viết như sau:

"Từ năm 1930 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và *giành được những thắng lợi vĩ đại*: Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, đưa đất nước tiếp tục từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Với những thắng lợi đã giành được trong hơn 80 năm qua, nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; đất nước ta đã thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đang đẩy

manh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới.

Tuy nhiên, khó khăn thách thức còn nhiều. Trong lãnh đạo, Đảng có lúc cũng phạm sai lầm, khuyết điểm, có những sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng do giáo điều, chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan. Đảng đã nghiêm túc tự phê bình và sửa chữa khuyết điểm để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên".

3. Về phân tích, dự báo tình hình thế giới: Cố gắng thể hiện một cách bao quát, chọn lọc, nêu rõ những đặc điểm cơ bản, những xu thế chủ yếu, các phong trào, các nhân tố chi phối sự vận động của thế giới; từ đó chỉ ra những thời cơ và thuận lợi, những thách thức và khó khăn; không sa vào các vấn đề chi tiết hoặc không liên quan trực tiếp đến nước ta. Với tinh thần đó, *Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)* nhận định: "Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong *bối cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc*. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến sự phát triển của nhiều nước. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển. Hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn; nhưng đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên tiếp tục diễn ra phức tạp. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông - Nam Á phát triển năng động, nhưng cũng tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định. Tình hình đó tạo thời cơ phát triển, đồng thời đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước đang và kém phát triển".

Sau khi phân tích những thuận lợi và khó khăn của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào cánh tả, phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc của các nước đang phát triển, kém phát triển, những vấn đề toàn cầu có liên quan đến vận

mệnh loài người (như giữ gìn hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, chống khủng bố, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, phòng ngừa dịch bệnh hiểm nghèo...), *Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)* nhận định tổng quát: "Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp khó khăn, thử thách, nhưng sẽ có những bước tiến mới. *Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội*".

4. Về đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ và mục tiêu phấn đấu trong những thập kỷ tới

Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có một số điều chỉnh cụ thể như:

- Diễn đạt xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

- Bổ sung, thể hiện mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là: "Xây dựng xong về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh". Và căn cứ vào yêu cầu và

tình hình thực tiễn ở nước ta, xác định: "*Từ nay đến khoảng giữa thế kỷ XXI*, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

5. Về những phương hướng cơ bản quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Trên cơ sở bảy phương hướng lớn đã nêu trong *Cương lĩnh năm 1991*, Dự thảo Cương lĩnh lần này bổ sung, phát triển một số nội dung mới theo tinh thần Đại hội X. Khẳng định đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước "gắn với phát triển kinh tế tri thức"; thay "Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần..." bằng "Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"; nói rõ thêm "Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"; bổ sung: "Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế"; nhấn mạnh vấn đề "Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc"; nói rõ: "Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân".

Bổ sung thêm một đoạn quan trọng: "Trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản đó, phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt *các mối quan hệ lớn* như: Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ;... Không phiến diện, cực đoan, duy ý chí".

6. Về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

- Khẳng định sự cần thiết phải phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh và hình thức phân phối. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển. Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Khẳng định quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm cho mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; các nguồn lực được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và theo nguyên tắc thị trường. Nhà nước quản lý nền kinh tế, định hướng, điều tiết, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bằng luật pháp, chiến lược, quy hoạch, chính sách và lực lượng vật chất.

- Xác định rõ thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức. Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; trong đó phải thường xuyên

coi trọng phát triển công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới. Bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng; thúc đẩy phát triển nhanh các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng có nhiều khó khăn. Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

7. Về phát triển văn hóa, xây dựng con người, thực hiện chính sách xã hội

Khẳng định xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Phê phán những cái lỗi thời, thấp kém; đấu tranh chống những biểu hiện phi văn hóa, phản văn hóa. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân.

Con người là trung tâm của chiến lược phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân.

Thực hiện chính sách xã hội đúng đắn, công bằng, bảo đảm bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Có chính sách điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với giảm nghèo bền vững. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách đối với những cá nhân và gia đình có công với nước. Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động, làm việc và học tập của các tầng lớp nhân dân. Chăm lo đời sống những người già cả, neo đơn, tàn tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Hạn chế, giảm tác hại và tiến tới đẩy lùi tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý và chất lượng dân số. Thực hiện bình đẳng giới, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Phấn đấu xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, lành mạnh. Xây dựng gia đình ấm no và hạnh phúc, thực sự là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng và tổ ấm của mỗi người.

Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc; tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo - nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đấu tranh với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm hại đến lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân. Tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ đồng bào định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, giữ gìn bản sắc dân tộc, chấp hành tốt pháp luật của nước sở tại, hướng về quê hương, góp phần xây dựng đất nước.

8. Về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường

Khẳng định và nhấn mạnh phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội; đầu tư cho giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển; bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại, là một tiêu chí và nội dung của sự phát triển bền vững, là nhân tố bảo đảm sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam. Đổi mới toàn diện và mạnh mẽ giáo dục - đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời.

Phát triển khoa học và công nghệ bao gồm cả khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật gắn với phát triển văn hóa và nâng cao dân trí nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Tăng nhanh và sử dụng có hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước. Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo và ứng dụng khoa học và công nghệ.

Trong việc bảo vệ môi trường cần kết hợp chặt chẽ giữa ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái; phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch và tiêu dùng sạch. Coi trọng nghiên cứu, dự báo và thực hiện các giải pháp ứng phó với quá trình biến đổi khí hậu. Bảo vệ và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia.

9. Về quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Xác định đầy đủ hơn các mục tiêu và nhiệm vụ của quốc phòng - an ninh là: bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị và an ninh quốc gia; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Sự ổn định và phát triển bền vững mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội là nền tảng của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin yêu. Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang; bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong điều kiện mới. Xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang được trang bị kỹ thuật ngày càng hiện đại.

Khẳng định thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước, vì lợi ích quốc gia dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Chủ trương hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội, trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế. Ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại; mở rộng quan hệ với các đảng cánh tả, các đảng cầm quyền trên thế giới trên cơ sở độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Tăng cường hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước trên thế giới.

Phấn đấu cùng các nước ASEAN xây dựng Đông - Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển.

10. Về phát huy dân chủ, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

- Khẳng định dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Dân chủ phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân bầu ra và các hình thức dân chủ trực tiếp. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng luật pháp, được pháp luật bảo đảm. Nhà nước quy định và bảo vệ các quyền công dân, quyền con người đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người.

- Nhà nước Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, trên cơ sở liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhiệm vụ của Nhà nước là định ra luật pháp và tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân. Nhà nước thường xuyên liên hệ và gắn bó chặt chẽ với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân. Có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân. Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của trung ương. Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công phối hợp giữa các cơ

quan trọng việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; có cơ chế kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện ba quyền đó.

11. Về Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

Nhấn mạnh Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên.

Các đoàn thể nhân dân tùy theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã xác định, vận động, giáo dục đoàn viên, hội viên chấp hành luật pháp, chính sách; chăm lo, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đoàn viên, hội viên; giúp đoàn viên, hội viên nâng cao trình độ mọi mặt và xây dựng cuộc sống mới; tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Đảng, Nhà

nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.

12. Về Đảng Cộng sản Việt Nam và công tác xây dựng Đảng

Trên cơ sở những luận điểm cơ bản của *Cương lĩnh năm 1991* và những kết quả nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn hơn 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Dự thảo Cương lĩnh lần này có một số bổ sung và phát triển quan trọng, nhất là về diễn đạt bản chất Đảng và về nội dung, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh. Cụ thể là *Dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)* khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động; lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là di sản tư tưởng và lý luận vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

Nói rõ Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ

thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo. Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, bảo đảm đầy đủ dân chủ và kỷ luật trong sinh hoạt Đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 72 - 73.